TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 21/7/2026.
V/v: "*Ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Thanh Vân.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Rung K' Nhuận - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng cũ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 89/2026/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Âu Minh T, sinh năm 1983. Địa chỉ thường trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Địa chỉ liên hệ: thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1984. Địa chỉ: thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên toà: Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Toà án nguyên đơn ông Âu Minh T trình bày: Ông và bà Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo Trích lục kết hôn số 271/2025/TLKH-BS ngày 04/12/2025 của UBND xã Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, ông và bà H sống hạnh phúc với nhau một thời

gian. Sau đó, giữa ông và bà H đã xảy ra mâu thuẫn. Ông nhận thấy là tính tình không hợp nhau, cách nhìn nhận và xử sự trong cuộc sống khác nhau dẫn đến vợ chồng không đồng quan điểm, cuộc sống gia đình không hòa hợp, hạnh phúc, tình trạng này xảy ra trong khoảng thời gian dài. Bản thân ông cũng đã tự nhìn nhận lại mình và cũng cố gắng hòa hợp với nhau, để cuộc sống chung được hạnh phúc. Nhưng càng về sau, mâu thuẫn giữa ông và bà H lớn hơn. Do đó, ông đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng giải quyết ly hôn giữa ông và bà H để ông và bà H sớm ổn định cuộc sống. Về con chung ông xác định: ông và bà H có 03 con chung là Âu Phương T1, sinh ngày 21/02/2015; Âu Minh T2, sinh ngày 17/11/2017 và Âu Nhật D, sinh ngày 18/6/2019. Hiện các con đang ở cùng với bà H. Khi ly hôn ông đề nghị giao 03 con chung cho bà Lê Thị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Ông sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/tháng đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung ông và bà H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông T không có ý kiến, yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình tố tụng tại Toà án bị đơn bà Lê Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông T như ông T trình bày là đúng. Vợ chồng ông bà sống hoà thuận hạnh phúc không có phát sinh mâu thuẫn gì, nhưng đến khoảng tháng 8/2025 ông T thường xuyên đi chơi về khuya, bà khuyên ông T hạn chế đi chơi khuya nhưng ông T không nghe. Ngoài ra vợ chồng cũng không có mâu thuẫn gì lớn dẫn đến phải ly hôn. Theo bà được biết thì ông T còn quen biết tình cảm với người khác. Bà có khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không về để cùng bà chăm lo cho các con. Nay, ông T làm đơn ly hôn bà xác định vẫn còn tình cảm với ông T và ông T chưa ngộ ra nên mới yêu cầu ly hôn. Do vậy, bà đề nghị Toà án xem xét hoà giải để vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm lo cho con cái. Về con chung bà xác định bà và ông T có 03 con chung là Âu Phương T1, sinh ngày 21/02/2015; Âu Minh T2, sinh ngày 17/11/2017 và Âu Nhật D, sinh ngày 18/6/2019. Khi ly hôn bà đề nghị giao cháu Âu Phương T1, Âu Minh T2 cho ông T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục, bà nhận trách nhiệm chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục cháu Âu Nhật D. Trường hợp ông T không đồng ý nuôi con chung và giao cả 03 cháu cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì bà yêu cầu ông T phải có trách cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về tài sản chung và nợ chung bà và ông T không có nên bà không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng bà H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 26/5/2026, bị đơn bà Lê Thị H có khai ra một số khoản nợ chung chưa được làm rõ nên Tòa án đã tạm ngừng phiên tòa.

Sau khi Tòa án tạm ngừng phiên tòa, ông T và bà H cùng xác định không có nợ chung và tại đơn cam kết ngày 29/6/2026, bà H cam kết vợ chồng hiện nay không còn nợ chung.

Tại phiên tòa.

Nguyên đơn ông T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà H không đồng ý ly hôn. Về con chung, bà H giữ nguyên ý kiến về con chung như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Đồng thời, căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chận nhận đơn ly hôn của ông Âu Minh T, giải quyết cho ông Âu Minh T và bà Lê Thị H được ly hôn. Về con chung, giao cả 03 (Ba) con chung là Âu Phương T1, sinh ngày 21/02/2015; Âu Minh T2, sinh ngày 17/11/2017 và Âu Nhật D, sinh ngày 18/6/2019 cho bà H có trách nhiệm trực tiếp trông mon, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ/tháng cho cả 03 con chung. Về án phí: Buộc ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Âu Minh T và bà Lê Thị H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận đến tháng 8/2025 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm chia sẻ cho nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn nên ông giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Còn bà H xác định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng. Vợ chồng không còn chung sống với nhau chủ yếu là do ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, rồi từ đó không còn chăm lo cho vợ con. Hiện bà cùng các con phải thuê trọ bên ngoài để sinh sống. Bà mong Tòa án xem xét hòa giải để ông T suy nghĩ lại, quay về đoàn tụ cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, lo cho các con. Bà H không đồng ý ly hôn. Theo kết quả xác minh tại địa phương nơi ông T, bà H sinh

sống thì không làm rõ được nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bà H đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải nhưng cả hai lần Tòa án hòa giải bà H đều vắng mặt, điều này thể hiện bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, qúa trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ông T, bà H chủ yếu là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm, cách xử sự với nhau nhiều lúc thiếu tế nhị. Đồng thời, tại phiên tòa cả hai bên đều thừa nhận đã làm thủ tục phân chia tài sản và sống ly thân, không còn giàng buộc về tài sản. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc bà H không đồng ý ly hôn chủ yếu là do trách nhiệm với các con nên nếu tiếp tục đời sống hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Do vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của ông Âu Minh T, xử cho ông Âu Minh T và bà Lê Thị H được ly hôn là phù hợp.

[2] Về con chung: Theo tài liệu, chứng cứ và lời thừa nhận của các bên đương sự thì vợ chồng ông Âu Minh T, bà Lê Thị H có 03 con chung là Âu Phương T1, sinh ngày 21/02/2015; Âu Minh T2, sinh ngày 17/11/2017; Âu Nhật D, sinh ngày 18/6/2019. Hiện nay các cháu đang ở cùng bà Lê Thị H. Tại phiên tòa, ông T đề nghị giao cả 03 con cho bà H nuôi dưỡng, giáo dục. Còn bà H đề nghị được nuôi cháu Âu Nhật D và giao các cháu Âu Minh T2, Âu Phương T1 cho ông T nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp ông T yêu cầu bà nuôi cả 03 con thì bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Ông T đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con bà H đề nghị. Qua xem xét, thấy rằng: hiện nay ông T, bà H đều chưa có nhà ở ổn định phải đi thuê trọ. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nhưng điều kiện nuôi con có phần bị hạn chế do chưa có nhà ở ổn định. Hơn nữa, hiện nay các con chung của ông T, bà H đều đã trên 07 tuổi, cháu D có nguyện vọng ở với mẹ, còn cháu T2 và cháu T1 đều có nguyện vọng được ở với bố nên cần xem xét đến nguyện vọng của các cháu và cũng để ông T san sẻ việc nuôi con với bà H nên cần căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung là Âu Nhật D cho bà H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao các cháu Âu Minh T2, Âu Phương T1 cho ông Âu Minh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con ông T không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự xác định đã tự thỏa thuận giải quyết xong và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét.

[4] Về nợ chung: Các bên đương sự đều có đơn cam kết xác định hiện nay vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu gì nên không đặt ra để giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Âu Minh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57; Các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của ông Âu Minh T, xử cho ông Âu Minh T và bà Lê Thị H được ly hôn.

2. Về con chung:

Giao con chung là Âu Minh T2, sinh ngày 17/11/2017 và Âu Phương T1, sinh ngày 21/02/2015 cho ông Âu Minh T có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của các con.

Giao con chung là Âu Nhật D, sinh ngày 18/6/2019 cho bà Lê Thị H có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con.

Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: Ông Âu Minh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Âu Minh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0003833 ngày 10/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Ông Âu Minh T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 21/7/2026) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, 6, 7 và Điều 8 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND khu vực 3 - Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 3 - Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - Toà án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Trung Kiên